

Bản án số: 243/2023/DS-ST
Ngày 21 - 9 - 2023
V/v tranh chấp hụi

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐÀM DƠI, TỈNH CÀ MAU**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Ngô Giang Nam

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Văn Hiền

Ông Nguyễn Hoài Phong

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Cẩm Tú là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đàm Dơi.

Ngày 21 tháng 9 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đàm Dơi xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 463/2023/TLST-DS ngày 13 tháng 7 năm 2023 về tranh chấp hụi theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 300/2023/QĐXXST-DS ngày 16 tháng 8 năm 2023 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Huỳnh Thị T, sinh năm 1975.

Địa chỉ cư trú: Ấp Cái Ngay, xã T, huyện Đ, tỉnh C. (có mặt)

- *Bị đơn:* Ông Đinh Văn X và bà Nguyễn Thị Đ.

Cùng địa chỉ cư trú: Ấp Cái Ngay, xã T, huyện Đ, tỉnh C. (ông X và bà Đ vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 04 tháng 7 năm 2023 trong quá trình giải quyết và tại phiên tòa nguyên đơn bà Huỳnh Thị T trình bày: Trước đây bà có mở 03 dây hụi, ông Đinh Văn X và bà Nguyễn Thị Đ tham gia 03 dây hụi của bà như sau:

+ Dây thứ nhất, hụi 500.000 đồng, mở ngày 30/10/2016 âl, mỗi tháng khai 02 lần, hụi gồm có 50 chung, ông X và bà Đ tham gia 02 (hai) chung; dây hụi đã mãn. Khi tham gia ông X và bà Đ đóng được một thời gian thì bỏ hốt hết 02 chung, do lâu quá ông X và bà Đ hốt được bao nhiêu mỗi chung bà không nhớ, khi hốt xong ông X và bà Đ đóng đến kỳ thứ 36, ngày 31/01/2020 thì ngưng không đóng tiếp cho bà, hiện còn thiếu bà 14 kỳ hụi chết chưa đóng số tiền 14.000.000 đồng (14 kỳ x 500.000 đồng x 02 chung = 14.000.000 đồng).

+ Dây thứ hai, hội 2.000.000 đồng, mở ngày 30/02/2017 âm, mỗi tháng khai 01 lần, hội gồm có 40 chung, ông X và bà Đ tham gia 01 (một) chung; dây hội đã mất. Khi tham ông X và bà Đ đóng được một thời gian thì bỏ hết, do lâu quá ông X và bà Đ hết được bao nhiêu bà không nhớ, khi hết xong ông X và bà Đ đóng đến kỳ thứ 35, ngày 31/01/2020 thì ngưng không đóng tiếp cho bà, hiện còn thiếu bà 05 kỳ hội chết chưa đóng số tiền 10.000.000 đồng (05 kỳ x 2.000.000 đồng x 01 chung = 10.000.000 đồng).

+ Dây thứ ba, hội 2.000.000 đồng, mở ngày 15/11/2018 âm, mỗi tháng khai 01 lần, hội gồm có 46 chung, ông X và bà Đ tham gia 04 (bốn) chung; dây hội đã mất. Khi tham ông X và bà Đ đóng được một thời gian thì bỏ hết hết 04 chung, do lâu quá ông X và bà Đ hết được bao nhiêu mỗi chung bà không nhớ, khi hết xong ông X và bà Đ đóng đến kỳ thứ 15, ngày 15/02/2020 thì ngưng không đóng tiếp cho bà, hiện còn thiếu bà 31 kỳ hội chết chưa đóng số tiền 248.000.000 đồng (31 kỳ x 2.000.000 đồng x 04 chung = 248.000.000 đồng). Tổng số tiền ba dây hội trên ông X và bà Đ còn thiếu bà 272.000.000 đồng.

Ngoài ra, trước khi ông X và bà Đ ngưng đóng hội chết cho bà thì trước đó các lần đóng hội ông X và bà Đ đóng không đủ và còn thiếu bà nhiều lần số tiền 49.500.000 đồng. Tổng số tiền ông X và bà Đ hiện còn thiếu bà 321.500.000 đồng.

Nay, bà yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông Đinh Văn X và bà Trần Thị Đ trả cho bà tiền hội còn thiếu tổng số tiền 321.500.000 đồng.

Đối với bị đơn ông Đinh Văn X và bà Nguyễn Thị Đ : Trong quá trình Tòa án thụ lý vụ án đã tổng đạt các văn bản tố tụng cho ông X và bà Đ theo quy định của pháp luật nhưng ông X và bà Đ không có ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của bà T.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Ông Đinh Văn X và bà Nguyễn Thị Đ bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt không có lý do, căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng Dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt ông X và bà Đ.

[2] Về quan hệ tranh chấp: Bà Huỳnh Thị T khởi kiện yêu cầu ông Đinh Văn X và bà Nguyễn Thị Đ trả tiền hội còn nợ. Do đó, quan hệ pháp luật tranh chấp cần giải quyết là tranh chấp về giao dịch dân sự theo khoản 3 Điều 26 của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

[3] Xét yêu cầu khởi kiện của bà T yêu cầu ông X và bà Đ trả tổng số tiền 321.500.000 đồng tiền hội còn thiếu. Hội đồng xét xử thấy rằng, theo bà T xác định khi tham gia các dây hội ông X và bà Đ hết hết 07 chung hội và nộp hội chết đến ngày 15/02/2020, từ đó đến nay ông X và bà Đ không nộp tiếp tiền hội chết cho bà và còn thiếu 07 chung hội của 03 dây hội số tiền 321.500.000 đồng. Ngoài ra, theo biên bản xác nhận sự việc ngày 03/8/2023 của Nguyễn Kim T, sinh năm 1980; Ngô Thị M (10 Q) sinh năm 1962 và Nguyễn Thị Ánh H, sinh năm 1981 cùng địa chỉ tại ấp Cái Ngay, xã Thanh Tùng, huyện Đầm Dơi, tỉnh Cà Mau những hội viên cùng ông X và bà Đ tham gia trong 03 dây hội do bà Thảo mở: Dây thứ nhất loại hội

500.000 đồng, khai ngày 30/10/2016 ã; đây thứ hai và thứ ba loại hũ 2.000.000 đồng, mở vào các ngày 30/02/2017 ã và ngày 15/11/2018 ã có nội dung “...Trong quá trình tham gia hũ của bà Huỳnh Thị T, chúng tôi biết được vợ chồng ông X và bà Đ, địa chỉ ấp Cái Ngay, xã T, huyện Đ, tỉnh C có tham gia 02 chung hũ 500.000 đồng và 05 chung hũ 2.000.000 đồng ở những đây hũ kể trên với chúng tôi...”. Cũng như, tại khoản 2 Điều 30 Nghị định 144/2006/NĐ-CP quy định “...Trong trường hợp thành viên không góp phần họ, chủ họ đã góp các phần họ thay cho thành viên đó thì thành viên phải trả cho chủ họ các phần họ chậm trả...”. Viễn dẫn theo điều luật trên cho thấy ông X và bà Đ đã vi phạm nghĩa nộp hũ (họ). Mặt khác, tại khoản 2 Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự quy định “...Một bên đương sự thừa nhận hoặc không phản đối những tình tiết...mà bên đương sự đưa ra thì bên đương sự đó không phải chứng minh...”. Viễn dẫn theo điều luật trên, từ khi Tòa án thụ lý vụ án đến khi xét xử đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho ông X và bà Đ nhiều lần để tham gia giải quyết vụ án, nhưng ông X và bà Đ không tham gia tố tụng và không gửi văn bản trình bày ý kiến, đưa ra chứng cứ đối với yêu cầu của bà T nên ông X và bà Đ phải chịu thiệt hại về sự vắng mặt của mình.

Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Huỳnh Thị T. Buộc ông Đinh Văn X và bà Nguyễn Thị Đ trả cho bà T tiền 03 đây hũ còn thiếu tổng số tiền 321.500.000 đồng (hũ ngày 30/10/2016 ã số tiền 14.000.000 đồng + hũ ngày 30/02/2017 ã số tiền 10.000.000 đồng + hũ ngày 15/11/2018 ã số tiền 248.000.000 đồng và tiền các lần đóng hũ còn thiếu số tiền 49.500.000 đồng) mà bà T đã nộp hũ thay cho ông X và bà Đ.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm: Theo khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 qui định “Bị đơn phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm trong trường hợp toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn được Tòa án chấp nhận”. Do đó, buộc ông X và bà Đ phải chịu số tiền là 16.075.000 đồng. (321.500.000 đồng x 5%)

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 471 Bộ luật Dân sự năm 2015; Nghị định số 144/2006/NĐ-CP ngày 27/11/2006 của Chính phủ quy định về họ, hũ, biểu, phườg;

Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 2 Điều 92, Điều 271 và khoản 1 Điều 273 Bộ luật Tố tụng Dân sự; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Huỳnh Thị T.

1. Buộc ông Đinh Văn X và bà Nguyễn Thị Đ trả cho bà Huỳnh thị T tổng số tiền 03 đây hũ còn thiếu 321.500.000 đồng (ba trăm hai mươi một triệu năm trăm nghìn đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, nếu chậm thi hành án thì hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất được quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

2. Án phí dân sự sơ thẩm: Bà Huỳnh Thị T không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, hoàn trả lại cho bà T 4.019.000 đồng (bốn triệu không trăm mười chín nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp tại biên lai số 0014431 ngày 13 tháng 7 năm 2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đầm Dơi.

Ông Đinh Văn X và bà Nguyễn Thị Đ phải chịu 16.075.000 đồng (mười sáu triệu không trăm bảy mươi lăm nghìn đồng). Nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đầm Dơi.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bà Huỳnh Thị T có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; ông Đinh Văn X và bà Trần Thị Đ có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện Đầm Dơi;
- Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đầm Dơi;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu VT.Tòa án Đầm Dơi.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Ngô Giang Nam